

Số: *2146*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *30* tháng 9 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ đối với thành phố Yên Bái đợt 14 năm 2021

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2021;*

*Căn cứ Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 15/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn tỉnh Yên Bái;*

*Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc thành lập Tổ thường trực rà soát, kiểm tra hồ sơ thẩm định đối tượng và kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Theo đề nghị của Tổ thường trực rà soát, kiểm tra tại Tờ trình số 2128/TTr-TTTRS ngày 28/9/2021.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Danh sách đối tượng và kinh phí hỗ trợ:

Hỗ trợ đối với hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01/5/2021 đến ngày 31/12/2021 theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch Covid-19.

- Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/hộ kinh doanh;
- Số lượng đối tượng hỗ trợ: 13 hộ kinh doanh;
- Kinh phí hỗ trợ: 39.000.000 đồng;
- Phương thức hỗ trợ: Chi trả một lần cho hộ kinh doanh.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)*

2. Nguồn kinh phí:

- Sử dụng nguồn kinh phí của ngân sách cấp tỉnh năm 2021 đã được giao tại Quyết định số 3197/QĐ-UBND ngày 16/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái (20% kinh phí do địa phương đảm bảo) là 7.800.000 đồng.

- Tạm cấp trước từ ngân sách cấp tỉnh (80% kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo) là 31.200.000 đồng. Số kinh phí tạm cấp được thu hồi về cho ngân sách tỉnh khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính:

- Cấp kinh phí cho thành phố Yên Bái theo danh sách đối tượng và kinh phí được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thực hiện thu hồi kinh phí về ngân sách địa phương khi được ngân sách trung ương cấp bổ sung theo quy định.

- Trên cơ sở danh sách đối tượng và kinh phí đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, số thực chi trả cho các đối tượng, Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Yên Bái tổng hợp quyết toán kinh phí báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để báo cáo Bộ Tài chính xem xét, thẩm định làm căn cứ cấp bổ sung kinh phí hỗ trợ cho địa phương.

2. Kho bạc Nhà nước Yên Bái: Phối hợp với Sở Tài chính xác nhận số kinh phí ngân sách nhà nước thực chi cho các đối tượng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc chi trả chính sách hỗ trợ đối với đối tượng theo quy định.

- Chủ trì theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo Tổ thường trực rà soát, kiểm tra để kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá



trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

4. Cục Thuế tỉnh: Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát, kiểm tra danh sách các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại điểm 10 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP của Chính phủ.

5. Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái

- Căn cứ danh sách đối tượng, kinh phí hỗ trợ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện chi trả ngay cho các đối tượng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng chế độ.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát, thống kê, thẩm định và chi trả kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng. Trường hợp nếu phát hiện có sai sót, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Cục Thuế tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội) để điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng kinh phí được giao đúng mục đích, đúng chế độ; tổ chức chi trả cho các đối tượng trên địa bàn quản lý đảm bảo kịp thời, chính xác, công khai và đúng quy định.

- Chậm nhất 15 ngày, sau khi kết thúc đợt chi trả, Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Thực hiện chế độ thống kê báo cáo theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước Yên Bái; Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái; các ông (bà) có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

*Nơi nhận:*

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TC, VX.



**Trần Huy Tuấn**

**DANH SÁCH KINH PHÍ HỖ TRỢ HỘ KINH DOANH CÓ ĐĂNG KÝ KINH DOANH,  
CÓ ĐĂNG KÝ THUẾ VÀ PHẢI DỪNG HOẠT ĐỘNG TỪ 15 NGÀY LIÊN TỤC TRỞ LÊN  
THÀNH PHỐ YÊN BÁI**



(QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

STT	Họ tên hộ kinh doanh	Mã số thuế	Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Mã số thuế GTGT	Mã số thuế TNCN	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ kinh doanh	Thời gian tạm ngừng kinh doanh	Số ngày nghỉ kinh doanh	Số tiền hỗ trợ (đồng)	Hình thức thanh toán, nhận hỗ trợ		
											Qua Tài Khoản	Qua Bưu điện	Nhận trực tiếp
	<b>Tổng cộng</b>									<b>39.000.000</b>			
<b>I</b>	<b>Phường Minh Tân</b>									<b>12.000.000</b>			
1	Trần Quang Chừ	8157890549	16A80011673		060902850	Quán cà phê, giải khát	Tổ 9	02/5-31/5/2021	30	3.000.000			x
2	Hồ Thị Lý	8570860509	16A80013183		040182007049	Hoạt động của các điểm truy cập internet	Tổ 7	01/5-31/5/2021	31	3.000.000			x
3	Hoàng Thị Thanh Hải	8404168644	16A80010829		036173009698	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 4	02/5-31/5/2021	30	3.000.000			x
4	Dương Ngọc Minh	5200262763	16A8001630		010068000434	Hoạt động của các điểm truy cập internet	Tổ 10	01/5-31/5/2021	31	3.000.000			x
<b>II</b>	<b>Phường Nguyễn Thái Học</b>									<b>18.000.000</b>			
1	Quách Thị Phương	5200371459	1606000656		015164000585	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 2	06/5-31/5/2021	26	3.000.000			x
2	Phạm Thị Lư	5200241280	16A8001891		060631829	Hoạt động của các điểm truy cập internet	Tổ 2	01/5-31/5/2021	31	3.000.000			x
3	Trần Thị Cài	5200292366	16A80010134		034167006775	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 3	01/6-30/6/2021	30	3.000.000			x
4	Hà Thị Hiếu	5200831385	16A80012149		008180001837	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 8	06/5-31/5/2021	26	3.000.000			x
5	Nguyễn Thị Thu Trà	5200922392	16A80013670		015198000335	Quán cà phê, giải khát	L1-06 TT thương mại Vincom Plaza	01/8-31/8/2021	31	3.000.000			x
6	Nguyễn Xuân Tiệp	5200297759	16A80012631		'015082002451	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 13	06/5-31/5/2021	26	3.000.000			x
<b>III</b>	<b>Phường Yên Ninh</b>									<b>9.000.000</b>			
1	Nguyễn Khắc Huỳnh	5200142730	160600119		015061000460	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	Tổ 6	06/5-31/5/2021	26	3.000.000			x
2	Mai Thành Chung	5200599206	16A80013846		060640380	Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống	SN 30, tổ 11	06/5-31/5/2021	26	3.000.000			x
3	Đoàn Tuấn Anh	8001865603	16A80012153		060590908	Quán cà phê, giải khát	Tổ 11	01/5-31/5/2021	31	3.000.000			x